



Cà Mau, ngày 17 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau**
- Tên giao dịch: Seaprimexco Vietnam
- Trụ sở chính: 08 đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
- Vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/12/2025: 97.485.790.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: 97.485.790.000 đồng
- Điện thoại: (84 - 290) 383 1615
- Fax: (84 - 290) 383 1861
- Email: sales@seaprimexco.com
- Website: www.seaprimexco.com
- Mã cổ phiếu: CAT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2000105020, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2026. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Cà Mau

Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản Minh Hải, được thành lập năm 1976. Ngày 06/10/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số: 698/QĐ–CTUB về việc cổ phần hóa chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản Minh Hải thành Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/11/2004.

Các sự kiện khác

Tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn upcom trong năm 2025, nhìn chung mức độ thanh khoản thấp, mệnh giá cổ phiếu trong năm giao động mạnh trong khoảng 16.200 – 24.200 đồng/cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản. Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu.	1020 (chính)

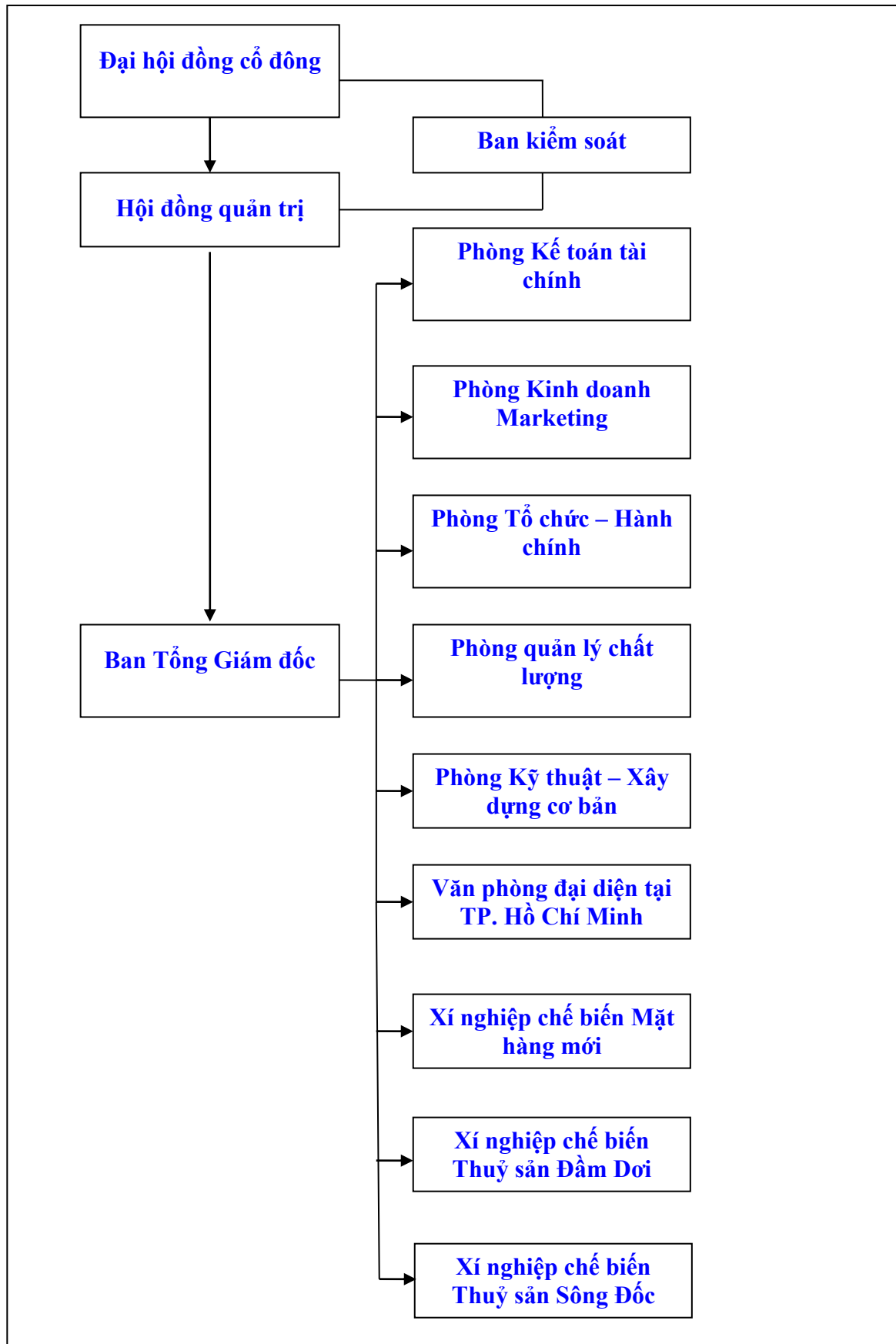
- Thị trường xuất khẩu chính: Bắc Mỹ, Anh, Nhật, EU, Hàn Quốc,...

Sản phẩm chính



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.



4. Định hướng phát triển

- Với phương châm: **“Giữ vững hệ thống phân phối, đầu tư phát triển mạnh cho sản xuất, mở rộng thị trường, tăng thị phần, lấy Thương hiệu, Năng lực sản xuất và Công nghệ làm nền tảng”**, Ban lãnh đạo cùng tập thể Người lao động Seaprimexco phấn đấu đưa Công ty đạt mức tăng trưởng hằng năm từ 5% trở lên.

- Đầu tư mạnh cho điều kiện sản xuất, duy trì và vận hành có hiệu quả các tiêu chuẩn về chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 22000:2018; HACCP; BRC; BAP; GMP; ASC; CoC; SMETA; HALAL nhằm đáp ứng yêu cầu của tất cả các thị trường, kể cả những thị trường phát triển có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cho sự phát triển xanh và bền vững.

- Đảm bảo việc vận hành, quản lý về môi trường luôn an toàn, đúng luật, tránh những tổn thất, thiệt hại về vật chất cũng như uy tín của Công ty đối với cộng đồng và khách hàng. Đây là lĩnh vực quan trọng, nếu không đảm bảo an toàn sẽ gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín và trách nhiệm xã hội của Công ty.

- Nghiên cứu, áp dụng và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động để đảm bảo trách nhiệm xã hội. Xem nguồn lực lao động – nguồn lực con người – nguồn lực trí tuệ là vốn quý nhất của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế thế giới đã chịu quá nhiều tổn thương, tuy nhiên tình hình địa chính trị, rủi ro xung đột trên thế giới lại còn quá nhiều mối nguy có thể gây đứt gãy chuỗi cung ứng; Chính sách đối ngoại, kinh tế, đặc biệt là chính sách đơn phương áp đặt thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump gây ra quá nhiều bất ổn, tác động mạnh mẽ đến thương mại toàn cầu và vẫn chưa được định hình rõ ràng và rất khó đoán định,... đây là nguyên nhân gây ra cú sốc bất ổn thương mại trong năm qua.

- Thảm họa thiên tai xảy ra ở nhiều nơi, cả trong nước – tác động tiêu cực đến tiến trình phục hồi, phát triển kinh tế thế giới và sức tiêu thụ hàng hóa.

- Tác động tiêu cực từ Thẻ vàng của EU đối với mặt hàng surimi, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ surimi khá thấp, tuy có phục hồi trong những tháng cuối năm, nhưng ảnh hưởng đến sản xuất, doanh thu và hiệu quả chung.

- Do điều kiện làm việc đặc thù của ngành thủy hải sản về độ ẩm, nhiệt độ, mùi, đứng làm việc liên tục trong nhiều giờ,... khiến Lao động thiếu gắn bó, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1- Sản lượng sản xuất	Tấn	3.827	4.289

2- Sản lượng tiêu thụ	Tấn	4.391	5.454
3- Kim ngạch xuất khẩu	USD	26.543.571	32.027.427
4- Tổng doanh thu thuần	1000 VND	684.349.494	860.759.378
5- Lợi nhuận trước thuế	1000 VND	35.759.592	59.731.566

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh với Kế hoạch
1- Sản lượng sản xuất	Tấn	4.400	4.289	97,5%
2- Kim ngạch xuất khẩu	USD	27.000.000	32.027.427	118,6%
3- Tổng doanh thu thuần	1000VND	728.000.000	860.759.378	118,2%
4- Lợi nhuận trước thuế	1000VND	36.000.000	59.731.566	165,9%

Yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh

- Điều kiện sản xuất của các nhà máy và vùng nuôi từng bước được đầu tư nâng cấp, đạt được nhiều tiêu chuẩn Quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và trách nhiệm xã hội – đáp ứng yêu cầu ngày càng cao hơn của khách hàng để mở rộng thị trường.

- Với 17 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam đã ký kết (CPTPP, EVFTA, VKFTA...) là lợi thế lớn để tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng thị trường.

- Việc dự báo đúng tỷ giá USD sẽ có thời điểm biên độ giao động lớn trong năm 2025, đã giúp Công ty chủ động, linh hoạt, khai thác hiệu quả nguồn doanh thu ngoại tệ từ xuất khẩu – đặc biệt là trong nghiệp vụ tín dụng, làm giảm đáng kể chi phí tài chính, tăng hiệu quả.

- Liên tục trong nhiều năm kinh doanh đạt hiệu quả tốt, tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh, là điều kiện rất thuận lợi để chủ động trong đầu tư, tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng hơn với mức lãi suất ưu đãi hơn => thu hút nguyên liệu tốt hơn, giúp kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Bùi Nguyên Khánh | - Phó Tổng Giám đốc phụ trách |
| 2. Ông Tô Tàn Hoài | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Bà Phan Thị Ngọc Ánh | - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương | - Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Trần Trọng Tài | - Kế toán trưởng |

a. Ông Bùi Nguyên Khánh – Phó Tổng Giám đốc phụ trách

1. Họ và tên: Bùi Nguyên Khánh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 14/05/1960
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 46 D Chung cư Bình Thới, Phường Bình Thới, TP.HCM.
7. Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 290) 383 1615
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán – Ngoại thương
10. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty CP Thủy sản Cà Mau.
11. Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: 830.000 cổ phần
12. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b. Ông Tô Tấn Hoài - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Tô Tấn Hoài
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 14/08/1968
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 159 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau.
7. Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 – 290) 383 1615
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Đại học Bách khoa – Khoa Hóa kỹ thuật Thực phẩm
10. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cà Mau.
11. Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: 150.000 cổ phần.
12. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c. Bà Phan Thị Ngọc Ánh - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Phan Thị Ngọc Ánh
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày, tháng, năm sinh: 15/09/1958
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh

6. Địa chỉ thường trú: 46 D Chung cư Bình Thới, Phường Bình Thới, TP.HCM.
7. Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 – 290) 383 1615
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật viên/Kiểm nghiệm
10. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cà Mau.
11. Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: 700.000 cổ phần
12. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d. Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Bùi Vĩnh Hoàng Chương
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 26/8/1983
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 46 D Chung cư Bình Thới, Phường Bình Thới, TP.HCM.
7. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 290) 383 1615
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ Thực phẩm
10. Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cà Mau
11. Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: 1.082.500 cổ phần
12. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d. Ông Trần Trọng Tài - Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Trần Trọng Tài
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 1980
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 97A Lý Văn Lâm, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.
7. Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 290) 383 1615
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng, Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng.
10. Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty

Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

11. Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2025: Không

12. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: 614 người.

Thu nhập bình quân người lao động

ĐVT: VND

Năm 2024	Năm 2025
7.768.888/người/tháng	9.404.835/người/tháng

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, phép năm, hỗ trợ tiền trang phục hằng năm, hỗ trợ tiền ăn giữa ca...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án chính.

Tổng đầu tư mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản (chính) toàn Công ty: 6,922 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
- Tổng giá trị tài sản	1000 VND	447.395.276	484.072.067	108,2%
- Doanh thu thuần	1000 VND	684.349.494	860.759.378	125,7%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1000 VND	35.187.439	58.860.782	167,2%
- Lợi nhuận khác	1000 VND	572.153	870.783	152,2%
- Lợi nhuận trước thuế	1000 VND	35.759.592	59.731.566	167%
- Lợi nhuận sau thuế	1000 VND	32.879.902	56.180.987	170.8%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	20	20	0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,33	1,38
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)	Lần	0,60	0,91
2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,60

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,58	1,50
3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,73	4,47
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	Lần	1,55	1,85
4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,80	6,53
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,95	29,07
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,35	11,61
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,14	6,84

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần.

- Tổng số lượng cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2025: **9.748.579 CP**

Trong đó:

+ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành chuyển nhượng tự do tại thời điểm ngày 31/12/2025: 9.249.173 CP

+ Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2025: 499.406 CP

b. Cơ cấu cổ đông (Danh sách chốt ngày: 17/12/2025).

Cơ cấu vốn cổ đông.

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Danh mục		Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu		96.713.040	99,21%	772.750	0,79%	97.485.790	100%
Trong đó							
1	Cổ đông đặc biệt:	68.075.970	69,83%	-	-	68.075.970	69,83%
a	Hội đồng quản trị	39.905.970	40,93%			39.905.970	40,93%
b	Ban Tổng Giám đốc	27.625.000	28,34%			27.625.000	28,34%
c	Ban kiểm soát	545.000	0,56%			545.000	0,56%
d	Kế toán Trưởng						
2	Cổ đông cá nhân	80.327.980	82,40%	772.750	0,79%	81.100.730	83,19%
3	Cổ đông tổ chức	16.385.060	16,81%			16.385.060	16,81%

Cơ cấu tỉ lệ sở hữu.

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn phát hành	96.713.040	99,21%	772.750	0,79%	97.485.790	100%
Cổ đông sở hữu trên 5%	53.823.630	55,21%	0	0	53.823.630	55,21%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	15.637.820	16,04%	0	0	15.637.820	16,04%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	27.251.590	27,96%	772.750	0,79%	28.024.340	28,75%
Tổng cộng	96.713.040	99,21%	772.750	0,79%	97.485.790	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

c.1. Vốn điều lệ ban đầu.

- Vốn điều lệ : 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng)
- Số lượng cổ phần : 220.000 cổ phần (Hai trăm hai mươi nghìn cổ phần)
- Mệnh giá : 100.000 đồng/cổ phần

c.2. Tăng vốn đợt 1 năm 2006.

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **22 tỷ đồng** lên **26,4 tỷ đồng**. Tổng số cổ phần phát hành thêm: 44.000 cổ phần theo tỷ lệ thực hiện quyền 50:1.

Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Số lượng cổ phần chào bán	Tỷ lệ phân bổ quyền	Phương thức chào bán	Giá chào bán (VNĐ/cp)	Số tiền thu được (VNĐ)
1	Cổ đông hiện hữu	44.000	50:1	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	100.000	4.400.000.000

Trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 26,4 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chưa phải là Công ty đại chúng nên không đăng ký hồ sơ phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo quy định về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

Mệnh giá gốc cổ phần tại thời điểm phát hành là: 100.000 đồng/CP.

c.3. Tăng vốn đợt 2 năm 2006.

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **26,4 tỷ đồng** lên **50 tỷ đồng**. Tổng số cổ phần phát hành thêm: 236.000 cổ phần theo tỷ lệ thực hiện quyền 4:1.

Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Số lượng cổ phần chào bán	Tỷ lệ phân bổ quyền	Phương thức chào bán	Giá chào bán (VND/cp)	Số tiền thu được (VND)
1	Cổ đông hiện hữu	66.000	4:1	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	100.000	6.600.000.000
2	Cổ đông chiến lược	170.000		Chọn 6 cổ đông chiến lược	450.000	76.500.000.000
	Tổng cộng	236.000				83.100.000.000

Trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 26,4 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chưa phải là Công ty đại chúng nên không đăng ký hồ sơ phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo quy định về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán

Mệnh giá gốc cổ phần tại thời điểm phát hành là: 100.000 đồng/CP.

c.4. Tăng vốn năm 2007.

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **50 tỷ đồng** lên **67 tỷ đồng**. Tổng số cổ phần phát hành thêm: 1.700.000 cổ phần.

Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Số lượng cổ phần chào bán	Tỷ lệ phân bổ quyền	Phương thức chào bán	Giá chào bán (VND/cp)	Số tiền thu được (VND)
1	Cổ đông hiện hữu	1.500.000	10:3	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	10.000	15.000.000.000
2	Cán bộ chủ chốt của Công ty	200.000		Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty	30.000	6.000.000.000
	Tổng cộng	1.700.000				21.000.000.000

Trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 67 tỷ này, Công ty CP Thủy sản Cà Mau đã không đăng ký hồ sơ phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo quy định về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Do đó Công ty đã bị Chánh thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số: 60/QĐ-TT ngày 14/07/2009.

c.5. Tăng vốn năm 2008.

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ **67 tỷ đồng** lên **100 tỷ đồng**. Tổng số cổ phần phát hành thêm: 3.300.000 cổ phần.

Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số: 1712/UBCK-QLPH ngày 26/08/2008 cho Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được chào bán 3.300.000 cổ phiếu.

Thực tế, Công ty chỉ phát hành được 3.048.579 cổ phiếu do không thực hiện phát hành phần cổ phiếu quỹ của Công ty.

Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Số lượng cổ phần chào bán	Phương thức chào bán	Giá chào bán (VND/cp)	Số tiền thu được (VND)
1	Cổ đông hiện hữu	3.048.579	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	10.000	30.485.790.000

► Do đó, Tổng số cổ phiếu tại thời điểm ngày 31/12/2025 của Công ty là: 9.748.579 CP.

► Tổng vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/12/2025 của Công ty là: **97.485.790.000 đồng** (Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

c.6. Tăng vốn năm 2026.

Ngày 09/02/2026, Công ty đã thực hiện hoàn tất việc chào bán thêm 4.624.587 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ **97.485.790.000 đồng** lên **143.731.660.000 đồng**.

Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số: 450/GCN-UBCK ngày 27/11/2025.

Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Số lượng cổ phần chào bán	Phương thức chào bán	Giá chào bán (VND/cp)	Số tiền thu được (VND)
1	Cổ đông hiện hữu	4.624.587	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	10.000	46.245.870.000

► Ngày 03/03/2026, Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15, tăng vốn điều lệ lên: **143.731.660.000 đồng** (Một trăm bốn mươi ba tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ.

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện nay: 499.406 CP

e. Các Chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Có, nhưng chưa có công cụ đo đạc.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Thực hiện sản xuất sạch hơn; đầu tư mới, nâng cấp máy móc thiết bị, công nghệ để tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: **6.551** tấn

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 100%

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng, tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm 2025: **7.128.394** KW.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty có 03 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động sản xuất chế biến dựa vào nguồn nước giếng tự khoan đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp phép khai thác, trong đó:

+ Xí nghiệp Chế biến Mặt Hàng Mới: Khai thác sử dụng nước ngầm với 02 giếng tự khoan, tổng công suất khai thác của 02 giếng được cấp phép 550 m³/ngày đêm. Trong năm 2025, Xí nghiệp khai thác sử dụng nước 56.135 m³/năm.

+ Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Đầm Dơi: Khai thác sử dụng nước ngầm với 01 giếng tự khoan, công suất khai thác được cấp phép 400 m³/ngày đêm. Năm 2025, Xí nghiệp khai thác sử dụng nước 60.299 m³/năm.

+ Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Sông Đốc: Khai thác sử dụng nước ngầm với 02 giếng tự khoan, công suất khai thác đã được cấp phép 600 m³/ngày đêm. Năm 2025, Xí nghiệp đã khai thác sử dụng nước 62.478 m³/năm.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Trong năm 2025, Công ty không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số lao động: 614 người

- Mức thu nhập bình quân đối với người lao động: 9.404.835 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, phép năm, khám sức khỏe định kỳ, đo đạt và không ngừng cải thiện môi trường lao động, hỗ trợ tiền trang phục hàng năm, hỗ trợ tiền ăn giữa ca... Công ty đạt tiêu chuẩn SMETA về trách nhiệm xã hội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 22 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cử nhân viên tham dự các lớp huấn luyện về kỹ năng, cập nhật kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, huấn luyện nội bộ về thái độ làm việc...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty và Công đoàn Công ty tích cực đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, các quỹ an sinh xã hội khác, với tổng số tiền hàng trăm triệu đồng.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Năm 2025, trong bối cảnh vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng nhìn tổng quan hầu hết các chỉ tiêu cơ bản đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch. Trong đó, chỉ tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận thực hiện đạt rất tốt – vượt kế hoạch năm.

- Từng bước đầu tư nâng cấp, mở rộng và đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về điều kiện sản xuất của Nhà máy và Vùng nuôi, về Môi trường và Trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu ngày một khắc khe hơn của khách hàng để mở rộng thị trường.

2. Tình hình tài chính.

- Liên tục trong nhiều năm kinh doanh đạt hiệu quả tốt, tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh, là điều kiện rất thuận lợi để chủ động trong đầu tư,

tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng hơn với mức lãi suất ưu đãi hơn => thu hút nguyên liệu tốt hơn, giúp kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn.

- Tình hình tài sản, nợ phải thu – phải trả được quản lý, kiểm soát tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý đã được xây dựng và vận hành hiệu quả, từng bước đi vào quy củ.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai.*

Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện các giải pháp còn phù hợp với tình hình thực tiễn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026. Các cấp quản lý và toàn thể người lao động trong Công ty, dù ở bất cứ vị trí công tác nào, hãy không ngừng tự học hỏi để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn – tay nghề, thực hiện nhiệm vụ bằng tất cả sự nhiệt tình và khả năng, cùng nhau đưa **SEAPRIMEXCO** ngày càng phát triển, với các giải pháp:

Trong điều hành, xử lý công việc: Tư tưởng chấp nhận với thực tại, không chủ động sáng tạo và liên tục cải tiến là đồng nghĩa với việc chấp nhận bị tụt hậu, lạc hậu. **Do đó từng cá nhân phải:** *Chủ động nâng cao năng lực, kiến thức – Lắng nghe để thấu hiểu và chia sẻ – Cầu thị để không ngừng hoàn thiện – Cẩn trọng để hạn chế sai lỗi – Tạo sinh khí tích cực để thúc đẩy sáng tạo.*

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* Không có

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Trong năm việc quản lý và sử dụng điện, nước, xử lý nước thải đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, đúng luật, không để xảy ra sự cố nào.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Trong năm, nguồn lao động cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất, tuy nhiên điều kiện làm việc đặc thù của ngành thủy hải sản về độ ẩm, nhiệt độ, mùi... khiến Lao động thiếu gắn bó.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty thường xuyên quan hệ tốt với chính quyền địa phương, phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong doanh nghiệp.

- Không để xảy ra các hoạt động đình công, bãi công đông người trái pháp luật, cháy, nổ, tai nạn lao động nghiêm trọng, sự cố về môi trường; tích cực đóng góp các quỹ từ thiện do địa phương vận động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

- Tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh – đây là cơ sở, là động lực để Công ty phấn đấu thực hiện hoàn thành tốt hơn kế hoạch những năm tiếp theo.

- Công ty xây dựng và vận hành tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt được Chứng nhận theo tiêu chuẩn SMETA về trách nhiệm xã hội. Vận hành tốt các hệ thống đảm bảo về môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.*

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, và trong môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra một cách quyết liệt ngay từ những tháng đầu năm và đạt được kết quả khả quan.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

Hội đồng quản trị tiếp tục định hướng chiến lược về nguồn vốn, nguyên liệu, mặt hàng, thị trường, lao động... để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, tăng doanh thu và hiệu quả sinh lợi.

V. Quản trị Công ty.

1. *Hội đồng Quản trị.*

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

TT	Họ và tên	Chức vụ (<i>Thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành</i>)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (cá nhân) tại 31/12/2025
1	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	11,10%
2	Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	
3	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách	8.51%
4	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT, Trợ lý Tổng Giám đốc	0,92%
5	Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT không điều hành	3,27%
6	Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT không điều hành	5,85%
7	Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	1,32%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm, Hội đồng quản trị tổ chức họp 04 lần.

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; thông qua chương trình, nội dung tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc ký kết chứng từ thế chấp, vay vốn tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Cà Mau.

- Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm, và nhận định 7 tháng cuối năm 2025; thông qua hồ sơ phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1.

- Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc ký kết chứng từ thế chấp, vay vốn tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Cà Mau.

- Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm, và nhận định 4 tháng cuối năm 2025; xin ý kiến dự thảo một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản năm 2026; dự kiến phương án chi tạm ứng cổ tức 2025.

- Thảo luận nhiều vấn đề quan trọng khác, qua đó thực hiện giám sát, kiểm tra, chỉ đạo và góp phần tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhất là tập trung chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành thông qua các cuộc họp hoặc trao đổi trực tiếp hoặc trao đổi qua điện thoại, Email để theo dõi nắm tình hình hoạt động của công ty, qua đó thực hiện giám sát và góp ý xây dựng chiến lược.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Một số Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình tập huấn ngắn hạn về quản trị.

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại 31/12/2025
1	Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	0,56%
2	Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Ông Vũ Hà Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra các hoạt động Công ty về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật trong kinh doanh;

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty và tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị công ty;

- Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành các đơn vị trực thuộc.

- Góp ý cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Hội đồng Quản trị.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền thù lao năm 2025
1	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000 VND
2	Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	80.000.000 VND
3	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT	80.000.000 VND
4	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT	80.000.000 VND
5	Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT	80.000.000 VND
6	Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT	80.000.000 VND
7	Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT	80.000.000 VND

Ban Tổng Giám đốc.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương năm 2025	Tổng tiền thưởng năm 2025
1	Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó TGD phụ trách	393.569.000 VND	75.884.000 VND
2	Ông Tô Tàn Hoài	Phó TGD	357.026.700 VND	73.940.000 VND
3	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó TGD	357.026.700 VND	72.500.000 VND
4	Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó TGD	323.324.030 VND	72.500.000 VND

Ban kiểm soát.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền thù lao năm 2025
1	Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng BKS	58.000.000 VND
2	Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên BKS	46.000.000 VND
3	Ông Vũ Hà Nam	Thành viên BKS (Tham gia 05/4/2025)	27.000.000 VND
4	Ông Nguyễn Việt Luận	Thành viên BKS (Thôi tham gia 05/4/2025)	19.000.000 VNĐ

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Công ty TNHH Thực phẩm xuất khẩu Hai Thanh: tiền trước thuế GTGT 4.714.698.000 đồng + tiền thuế GTGT 377.175.940 đồng = 5.091.873.840 đồng (mua tôm, surimi).

- Công ty TNHH điện lạnh SAIGON: tiền trước thuế GTGT 39.300.000 đồng + tiền thuế GTGT 3.144.000 đồng = 42.444.000 đồng (bán phụ tùng)

- Công ty TNHH MTV Thiết kế, Giám sát, Xây dựng Hưng Long: tiền trước thuế GTGT 21.342.593 đồng + tiền thuế GTGT 1.707.407 đồng = 23.050.000 đồng (mua tôm).

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Nhìn chung, việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản trị công ty được triển khai thực hiện tốt.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Bùi Nguyên Khánh

D. Báo cáo Tài chính năm 2025:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

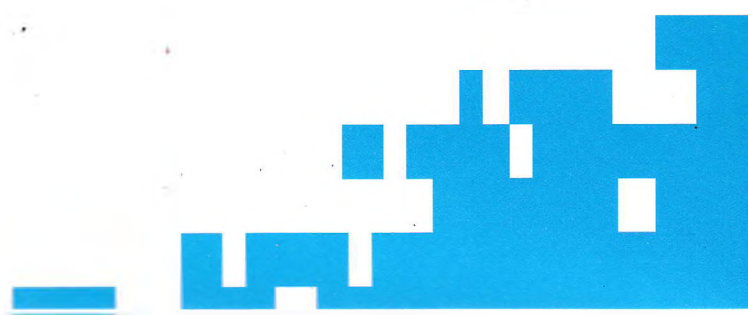


RSM



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (bổ nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2025)
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2025)
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Số: 92/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Lục Thị Vân**
Phó Tổng Giám đốcGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1**Lê Việt Hà**
Kiểm toán viênGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. ,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.664.857.502	364.081.501.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	130.909.143.119	20.405.436.038
1. Tiền	111		120.909.143.119	20.405.436.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.430.099.117	42.928.944.263
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	35.430.099.117	42.928.944.263
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.049.784.419	96.390.810.620
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	76.119.733.311	90.270.869.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.245.918.800	2.739.815.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.766.782.548	3.380.125.286
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(82.650.240)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	136.393.633.496	198.805.820.349
1. Hàng tồn kho	141		141.405.791.705	203.840.150.769
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.012.158.209)	(5.034.330.420)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.882.197.351	5.550.490.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	797.802.134	1.252.676.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	9.084.395.217	4.297.813.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.407.210.440	83.313.774.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.414.500.000	1.314.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.414.500.000	1.314.500.000
II. Tài sản cố định	220		70.793.062.265	71.639.639.737
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	70.250.944.954	71.154.302.542
Nguyên giá	222		199.328.902.900	195.936.364.272
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.077.957.946)	(124.782.061.730)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	542.117.311	485.337.195
Nguyên giá	228		860.722.108	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.604.797)	(303.162.691)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.605.107.538	2.500.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	2.605.107.538	2.500.000.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.500.000.000	5.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	5.500.000.000	5.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.094.540.637	2.359.635.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.094.540.637	2.359.635.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		484.072.067.942	447.395.276.292

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		290.806.507.138	273.904.266.458
I. Nợ ngắn hạn	310		290.806.507.138	273.904.266.458
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	22.501.149.117	31.091.365.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.193.730.812	1.058.759.027
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	3.518.787.522	1.437.290.556
4. Phải trả người lao động	314	4.13	15.999.988.050	11.744.905.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	19.153.389.019	4.537.880.753
6. Vay ngắn hạn	320	4.17	220.347.723.377	221.236.837.469
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	5.249.454.468	910.509.372
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16	2.842.284.773	1.886.718.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.265.560.804	173.491.009.834
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	193.265.560.804	173.491.009.834
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.485.790.000	97.485.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.795.380.849	3.795.380.849
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.471.908.920)	(15.471.908.920)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.456.298.875	87.681.747.905
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		65.149.070.817	54.801.845.708
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.307.228.058	32.879.902.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		484.072.067.942	447.395.276.292



Bùi Nguyễn Khánh
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư
Người lập

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	860.759.378.230	684.349.494.111
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		860.759.378.230	684.349.494.111
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	748.770.739.429	594.926.561.239
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.988.638.801	89.422.932.872
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	13.735.038.473	12.273.009.570
6. Chi phí tài chính	22	5.4	9.979.638.240	13.713.668.490
Trong đó, chi phí lãi vay	23		9.249.142.497	9.761.172.464
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	31.228.876.634	34.650.793.843
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	25.654.379.453	18.144.040.795
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.860.782.947	35.187.439.314
10. Thu nhập khác	31		1.263.170.987	1.100.095.679
11. Chi phí khác	32		392.387.770	527.942.248
12. Lợi nhuận khác	40		870.783.217	572.153.431
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.731.566.164	35.759.592.745
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	3.550.578.606	2.879.690.548
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.180.987.558	32.879.902.197
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	6.074	3.119
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	4.049	3.119



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư
Người lập

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.731.566.164	35.759.592.745
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	7.841.703.712	7.485.832.101
Các khoản dự phòng	03	5.7	4.399.423.125	1.277.445.265
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(209.460.732)	(291.113.128)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.871.595.083)	(1.866.589.379)
Chi phí lãi vay	06	5.4	9.249.142.497	9.761.172.464
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		78.140.779.683	52.126.340.068
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.163.605.010	(36.528.881.990)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		62.434.359.064	37.805.961.503
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.202.313.600)	(3.252.381.987)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		719.968.868	500.449.095
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.249.142.497)	(9.761.172.464)
Tiền thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(3.321.329.594)	(2.827.128.928)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		134.982.440	336.909.580
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.213.747.028)	(3.491.054.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.607.162.346	34.909.040.543
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.100.233.778)	(3.414.070.457)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		339.417.273	502.709.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(50.460.963.195)	(21.755.301.761)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		57.959.808.341	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.593.852.683	1.655.420.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.331.881.324	(23.011.242.329)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	694.197.190.547	710.477.627.584
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(695.086.304.639)	(715.549.482.909)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.907.258.280)	(10.107.264.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.796.372.372)	(15.179.119.625)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		110.142.671.298	(3.281.321.411)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.405.436.038	23.509.688.734
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		361.035.783	177.068.715
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	130.909.143.119	20.405.436.038



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư,
Người lập

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Sau đó, Giấy phép này được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất là 143.731.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 596 (31/12/2024: 619).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 589, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 169, ấp 7, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua, tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trọng suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 09 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau: quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao;
- Lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: quyền sở hữu được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (08 năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp; chi phí thuê kho và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

▪ ***Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới:***

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới có hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

▪ ***Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc:***

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc có hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---|-----|
| ▪ Xuất khẩu | 0% |
| ▪ Tôm, cá tươi đông lạnh ở khâu kinh doanh thương mại | 5% |
| ▪ Các hàng hóa, dịch vụ khác | 10% |

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Cụ thể, các hàng hóa, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Chả cá đông lạnh, hàng hóa xuất bán nội địa;
- Dịch vụ liên quan đến hoạt động cho thuê.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	370.027.924	814.577.382
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	120.539.115.195	19.590.858.656
Các khoản tương đương tiền (**)	10.000.000.000	-
Cộng	130.909.143.119	20.405.436.038

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với giá trị là 1.000.000 USD (tương đương 26.077.000.000 VND) và tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với giá trị là 2.500.000 USD (tương đương 65.192.500.000 VND) đang được thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.17.

(**) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau có kỳ hạn gốc 01 tháng tại ngày 31/12/2025 với lãi suất là 4,75%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	30.461.272.312	30.461.272.312	42.928.944.263	42.928.944.263
Trái phiếu	4.968.826.805	4.968.826.805	-	-
Cộng	35.430.099.117	35.430.099.117	42.928.944.263	42.928.944.263

Dài hạn:

Trái phiếu	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu tại ngày 31/12/2025 đang được thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Xem thêm Mục 8	345.600.000	-
Amanda Seafood Pte Ltd	43.519.616.586	57.859.946.967
Premier Marine Canada INC	17.418.189.910	20.883.006.772
Các khách hàng khác (*)	14.836.326.815	11.527.915.995
Cộng	76.119.733.311	90.270.869.734

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Anh Phát	6.422.250.000	2.056.155.600
Công ty TNHH Xe nâng Tín Quang	1.705.980.000	-
Các nhà cung cấp khác (*)	2.117.688.800	683.660.000
Cộng	10.245.918.800	2.739.815.600

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trả trước cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan - Xem thêm Mục 8	2.065.844.887	-	2.065.844.887	-
Lãi dự thu tiền gửi	511.580.990	-	573.255.863	-
Phải thu khác	189.356.671	-	741.024.536	-
Cộng	2.766.782.548	-	3.380.125.286	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.414.500.000	-	1.314.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.106.524.129	-	8.059.380.592	-
Công cụ, dụng cụ	335.354.459	-	380.876.267	-
Thành phẩm	129.728.132.083	(5.012.158.209)	195.399.893.910	(5.034.330.420)
Hàng gửi bán	3.235.781.034	-	-	-
Cộng	141.405.791.705	(5.012.158.209)	203.840.150.769	(5.034.330.420)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí di dời nhà xưởng phục vụ dự án kho lạnh 1.200 tấn tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau	2.578.400.000	2.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	26.707.538	-
Cộng	2.605.107.538	2.500.000.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	66.124.006.700	118.660.607.931	7.207.143.752	215.011.990	3.729.593.899	195.936.364.272
Mua trong năm	-	4.250.466.667	-	-	-	4.250.466.667
Đầu tư XDCB hoàn thành	147.292.807	1.407.199.500	30.000.000	-	1.087.945.044	2.672.437.351
Thanh lý, nhượng bán	-	(894.113.587)	(2.636.251.803)	-	-	(3.530.365.390)
Tại ngày 31/12/2025	66.271.299.507	123.424.160.511	4.600.891.949	215.011.990	4.817.538.943	199.328.902.900
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	32.209.801.299	83.120.658.269	6.586.245.733	202.595.864	2.662.760.565	124.782.061.730
Khấu hao trong năm	2.176.535.767	5.093.613.461	206.375.479	12.416.126	337.320.773	7.826.261.606
Thanh lý, nhượng bán	-	(894.113.587)	(2.636.251.803)	-	-	(3.530.365.390)
Tại ngày 31/12/2025	34.386.337.066	87.320.158.143	4.156.369.409	215.011.990	3.000.081.338	129.077.957.946
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	33.914.205.401	35.539.949.662	620.898.019	12.416.126	1.066.833.334	71.154.302.542
Tại ngày 31/12/2025	31.884.962.441	36.104.002.368	444.522.540	-	1.817.457.605	70.250.944.954

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 55.712.847.544 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Mua trong năm	-	72.222.222	72.222.222
Tại ngày 31/12/2025	555.947.886	304.774.222	860.722.108
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	70.610.691	232.552.000	303.162.691
Khấu hao trong năm	7.918.956	7.523.150	15.442.106
Tại ngày 31/12/2025	78.529.647	240.075.150	318.604.797
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	485.337.195	-	485.337.195
Tại ngày 31/12/2025	477.418.239	64.699.072	542.117.311

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.17.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	233.941.802	179.189.010
Các khoản khác	563.860.332	1.073.487.484
Cộng	797.802.134	1.252.676.494
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.280.377.656	1.285.715.872
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng	328.605.467	616.491.817
Các khoản khác	485.557.514	457.427.456
Cộng	2.094.540.637	2.359.635.145

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Ngọc Phát	7.838.457.695	7.838.457.695	12.456.581.900	12.456.581.900
Các nhà cung cấp khác (*)	14.662.691.422	14.662.691.422	18.634.783.848	18.634.783.848
Cộng	22.501.149.117	22.501.149.117	31.091.365.748	31.091.365.748

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.084.395.217	22.591.910.643	(2.432.327.648)	(15.373.001.424)	4.297.813.646
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.432.327.648	-	(2.432.327.648)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	866.944.367	(866.944.367)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	977.397.828	3.550.578.606	(3.321.329.594)	-	748.148.816
Thuế thu nhập cá nhân	40.713.703	1.286.519.273	(1.270.014.487)	-	24.208.917
Thuế tài nguyên	5.416.000	71.565.200	(71.936.244)	-	5.787.044
Tiền thuê đất	2.495.259.991	1.975.326.313	(139.212.101)	-	659.145.779
Các loại thuế khác	-	119.543.493	(119.543.493)	-	-
Cộng	3.518.787.522	10.302.804.900	(5.788.980.286)	(2.432.327.648)	1.437.290.556

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người lao động**

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2025.

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ tức phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	6.062.895.500	257.000.000
Cổ tức phải trả	11.066.032.175	2.407.080.455
Nhận ký quỹ, ký cược	904.417.875	831.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.120.043.469	1.042.800.298
Cộng	19.153.389.019	4.537.880.753

4.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng phải trả tại ngày 31/12/2025 về thuế chống bán phá giá tôm tại thị trường Mỹ.

4.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	1.886.718.273	2.370.328.375
Trích lập trong năm	4.034.331.088	2.670.534.652
Tăng khác	134.982.440	336.909.580
Sử dụng trong năm	(3.213.747.028)	(3.491.054.334)
Cộng	2.842.284.773	1.886.718.273

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	95.255.477.069	95.255.477.069	237.417.782.679	(237.029.402.733)	94.867.097.123	94.867.097.123
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	45.668.138.385	45.668.138.385	210.686.643.980	(234.971.081.644)	69.952.576.049	69.952.576.049
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.735.854.023	3.735.854.023	77.558.106.088	(94.561.410.302)	20.739.158.237	20.739.158.237
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cà Mau	68.711.537.400	68.711.537.400	105.566.770.129	(36.855.232.729)	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	-	49.127.623.571	(49.127.623.571)	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 1 TP. Hồ Chí Minh	-	-	5.266.451.200	(25.244.389.800)	19.977.938.600	19.977.938.600
Cộng	213.371.006.877	213.371.006.877	685.623.377.647	(677.789.140.779)	205.536.770.009	205.536.770.009
Vay ngân hàng bằng USD:						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.976.716.500	6.976.716.500	13.840.264.100	(16.930.641.600)	10.067.094.000	10.067.094.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	(5.632.973.460)	5.632.973.460	5.632.973.460
Cộng	6.976.716.500	6.976.716.500	13.840.264.100	(22.563.615.060)	15.700.067.460	15.700.067.460
Tổng cộng	220.347.723.377	220.347.723.377	699.463.641.747	(700.352.755.839)	221.236.837.469	221.236.837.469

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 226.780.400.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0 - 4,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi USD không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán - Xem thêm Mục 4.1;
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau - Xem thêm Mục 4.9.

▪ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 3,8 - 4,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ TSCĐ xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 4.8.

▪ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 90.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 4.9.

▪ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 92.386.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0 - 4,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi USD không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán - Xem thêm Mục 4.1;
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	66.721.553.360	152.530.815.289
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.879.902.197	32.879.902.197
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.175.900.989)	(2.175.900.989)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(494.633.663)	(494.633.663)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.249.173.000)	(9.249.173.000)
Tại ngày 01/01/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	87.681.747.905	173.491.009.834
Lãi trong năm nay	-	-	-	56.180.987.558	56.180.987.558
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.136.733.044)	(3.136.733.044)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(897.598.044)	(897.598.044)
Chia cổ tức	-	-	-	(32.372.105.500)	(32.372.105.500)
Tại ngày 31/12/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	107.456.298.875	193.265.560.804

Việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức trong năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.700.000.000	9,95	9.700.000.000	9,95
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,10	10.825.000.000	11,10
Các cổ đông khác	76.960.790.000	78,95	76.960.790.000	78,95
Cộng	97.485.790.000	100,00	97.485.790.000	100,00

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng số cổ phiếu đã phân phối cho các cổ đông là 4.624.587 cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 97.485.790.000 VND lên 143.731.660.000 VND, chi tiết như sau:

Cổ đông	Tại ngày 09/02/2026	
	Giá trị (VND) ,	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	14.550.000.000	10,12
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	14.510.000.000	10,10
Các cổ đông khác	114.671.660.000	79,78
Cộng	143.731.660.000	100,00

Ngày 03 tháng 03 năm 2026, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ này.

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	499.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.249.173	9.249.173

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.180.987.558	32.879.902.197
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.034.331.088)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.180.987.558	28.845.571.109
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.249.173	9.249.173
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.074	3.119

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.180.987.558	32.879.902.197
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(4.034.331.088)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	56.180.987.558	28.845.571.109
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.249.173	9.249.173
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm - Xem thêm Mục 4.18.2	4.624.587	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.873.760	9.249.173
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.049	3.119

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.6. Cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức đợt 2 năm 2023 (10%)	-	9.249.173.000
Cổ tức năm 2024 (20%)	18.498.346.000	-
Cổ tức đợt 1 năm 2025 (15%)	13.873.759.500	
Cộng	32.372.105.500	9.249.173.000

- Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025, cổ tức năm 2024 được chia với tỷ lệ 20% vốn điều lệ.
- Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 229/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2025, cổ tức đợt 1 năm 2025 được chi tạm ứng với tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.551.696,74	704.468,76

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu xuất khẩu (*)	827.080.437.584	660.864.415.356
Doanh thu nội địa	33.678.940.646	23.485.078.755
Cộng	860.759.378.230	684.349.494.111

Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan
- Xem thêm Mục 8

4.714.698.000	1.805.453.000
---------------	---------------

(*) Doanh thu xuất khẩu năm nay tăng hơn 25% so với năm trước là do sự tăng trưởng mạnh mẽ của xuất khẩu thủy sản Việt Nam, dẫn đến sản lượng xuất khẩu đến các thị trường trọng điểm là Đông Bắc Á, Bắc Mỹ và Châu Âu tăng đáng kể.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	742.242.974.267	586.981.759.833
Giá vốn khác	6.549.937.373	7.238.709.396
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.172.211)	706.092.010
Cộng	748.770.739.429	594.926.561.239

Giá vốn hàng bán năm nay tăng hơn 25% so với năm trước là do doanh thu tăng như thuyết minh tại Mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	2.532.177.810	1.687.663.137
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.895.697.964	10.209.685.754
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	209.460.732	291.113.128
Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.701.967	84.547.551
Cộng	13.735.038.473	12.273.009.570

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	9.249.142.497	9.761.172.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá	716.064.521	3.952.496.026
Chi phí tài chính khác	14.431.222	-
Cộng	9.979.638.240	13.713.668.490

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	13.083.668.584	12.816.829.349
Chi phí thuê kho	7.966.566.859	12.535.244.587
Chi phí khác	10.178.641.191	9.298.719.907
Cộng	31.228.876.634	34.650.793.843

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.406.131.388	12.451.134.367
Chi phí đồ dùng văn phòng	230.147.870	171.614.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.320.829	435.069.326
Thuế, phí và lệ phí	1.988.976.801	94.810.418
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	82.650.240	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.103.247.293	1.336.564.448
Chi phí bằng tiền khác	3.479.905.032	3.654.848.010
Cộng	25.654.379.453	18.144.040.795

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	582.857.898.707	465.987.472.296
Chi phí nhân công	82.252.547.520	67.900.302.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.841.703.712	7.485.832.101
Chi phí dự phòng	4.399.423.125	1.277.445.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.771.636.714	50.063.868.660
Chi phí khác bằng tiền	20.135.480.637	14.440.315.671
Cộng	743.258.690.415	607.155.236.661

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	59.731.566.164	35.759.592.745
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.503.884.359	1.568.609.778
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(383.207.994)	(462.610.117)
Trừ: Thu nhập miễn thuế	(35.930.359.401)	(17.351.058.952)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	27.921.883.128	19.514.533.454
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%	7.541.422.931	6.466.636.666
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%	20.380.460.197	13.047.896.788
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20%	1.508.284.586	1.293.327.333
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10%	2.038.046.020	1.304.789.679
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	4.248.000	281.573.536
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.550.578.606	2.879.690.548

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	694.197.190.547	710.477.627.584

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(695.086.304.639)	(715.549.482.909)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty phần lớn là xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt trong thuyết minh báo cáo tài chính.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
--	--	--

Phải thu ngắn hạn của khách hàng - Xem thêm Mục 4.3:

Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	345.600.000
--	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 4.5:			
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.065.844.887	2.065.844.887	
Cổ tức phải trả - Xem thêm Mục 4.14:			
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	6.062.895.500	257.000.000	
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:			
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	
Bán hàng - Xem thêm Mục 5.1:			
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	4.714.698.000	1.805.453.000	
Chia cổ tức:			
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	7.109.984.300	3.554.992.150	
Thù lao của Hội đồng quản trị ("HĐQT") được hưởng trong năm như sau:			
Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	80.000.000	60.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT	80.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT	80.000.000	60.000.000
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT	80.000.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT	80.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT	80.000.000	60.000.000
Cộng		570.000.000	420.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	469.453.000	383.027.500
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	429.526.700	335.821.500
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	395.824.030	309.700.950
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	430.966.700	337.515.900
Ông Trần Trọng Tài	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	429.246.700	333.065.500
Cộng		2.155.017.130	1.699.131.350

Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban	333.670.000	48.000.000
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên	253.083.200	225.961.000
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/04/2025)	27.000.000	-
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05/04/2025)	19.000.000	36.000.000
Cộng		632.753.200	309.961.000

9. SƠ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm 2024 VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm 2024 VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.119	3.555
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.119	3.555

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 theo số được duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài vấn đề thay đổi vốn điều lệ đã nêu tại Mục 4.18.2, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư
Người lập

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2026

RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147 Bis Hai Ba Trung Street
Xuan Hoa Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Cau Giay Ward
Ha Noi City, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

Da Nang Office
3rd Floor, Miki Building
No. 77-79 Ho Trung Luong Street
Hoa Xuan Ward
Da Nang City, Vietnam

T +84236 3939 539
contact_dn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction. The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug. This email is only intended for the person(s) to whom it is addressed and may contain confidential information. Unless stated to the contrary, any opinions or comments are personal to the writer and do not represent the official view of the company. If you have received this email in error, please notify the company immediately by reply email and then delete this message irretrievably from your system. Please do not copy this email or use it for any purposes or disclose its contents to any other person. Any person communicating with the company by email will be deemed to have accepted the risks associated with sending information by email being interception, amendment and loss as well as the consequences of incomplete or late delivery.